TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 /2018/HS-ST
Ngày 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông/bà: Ông Võ M Quang

Ông/bà: Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị Ngọc L (Tên gọi khác: #), sinh năm 1979 tại LA;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1A, xã A, huyện Y, tỉnh LA;

Nơi sinh sống (Cư trú): Ấp 1 A, xã A, huyện Y, tỉnh LA;

Nghề nghiệp: Nội trợ ;

Trình độ văn hoá (Học vấn): 10/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn T và bà Võ Thị Th;

Tiền sự, tiền án: Chưa có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2018 cho đến nay (Có mặt).

- *Người bị hại*: Bà Võ Thị Mai H, sinh năm 1960 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 185/76, đường PP, phường 17, quận PN, thành phố HC;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Ông Phùng Ngọc M, sinh năm 1956 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 43, đường 59B, khu phố 9, phường TT, quận Bt, thành phố HC;

- *Những người làm chứng*:

1) Ông Võ Minh C, sinh năm 1966 (Có mặt) ;

2) Bà Lê Diệu K, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

3/ Chị Võ Thị Tuyết M, sinh năm: 1975 (Vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số 36/50, đường KD, phường 13, quận 6, thành phố HC;

4) Anh Võ Minh S, sinh năm: 1983 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 106C/104 đường LQ, phường 3, quận 11, thành phố HC.

5/ Anh Phùng Vĩnh T, sinh năm: 1980 (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 185/76, đường PP, phường 17, quận PN, thành phố HC;

6) Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1966 (Vắng mặt);

7/ Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1964 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 1A, xã A, huyện Y, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Khoảng 8 giờ ngày 19/5/2018, Phùng Vĩnh T điều khiển xe ô tô 7 chỗ, hiệu Innova, biển số 51F – 660.45 chở mẹ ruột là bà Võ Thị M H cùng với một số người thân trong gia đình gồm: Võ Minh S,Võ Minh C, Võ Thị Tuyết M và Lê Diệu K từ thành phố HC về ấp 3, xã A để thăm mộ ông ngoại. Trong lúc thăm mộ bà H thấy có người đang xây cất trên phần đất của ông bà để lại nên tất cả mọi người cùng đến nhà cô ruột của bà H là bà Võ Thị A đang bị bệnh tai biến và hiện đang ở cùng người cháu tên Phạm Thị Ngọc L để hỏi chuyện bán đất nêu trên. Trong lúc nói chuyện giữa bà H, C, S và L xảy ra cự cãi nên bà H lấy cái đĩa trên bàn thờ ông địa ném xuống, L lấy cái đĩa nhựa trên bàn thờ ném theo nhưng không trúng. Khi bà H và mọi người lên xe, L lấy cục đá xanh trước cổng ném về hướng xe ô tô nhưng không trúng. Tiếp tục L lấy cục đá xanh thứ hai ném trúng vào kính chắn gió phía sau xe làm bể góc trên bên phải của kính, kích thước 0,12cm x 0,25cm và rạn nứt xung quanh viền kính.

Kết luận Định giá tài sản số 29/KL – HĐĐGTS ngày 20/6/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá trị còn lại kính chắn gió phía sau xe ô tô Innova 07 chỗ, biển kiểm soát 51F – 660.45 bị hủy hoại là: 11.243.268 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo bị truy cứu về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản " là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh tang vật; Lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Bị cáo đồng ý bồi thường giá trị tấm kính chắn gió bị bể là 11.243.268 đồng. Bị cáo đã nộp bồi thường số tiền 1.000.000 đồng nên đồng ý bồi thường tiếp số tiền 10.243.268 đồng. Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng do xe không hoạt động được trong hai tuần bị cáo không đồng ý bồi thường.

Lời trình bày của người bị hại Bà Võ Thị Mai H tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa như sau: Yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại giá trị tấm kính chắn gió bị bể theo định giá là 11.243.268 đồng và bồi thường thiệt hại trong thời gian xe sửa chữa hai tuần x 45.000.000/tuần số tiền là 90.000.000 đồng. Do tấm kính bị bể nên phải sửa chữa và thời gian sửa chữa thì bà phải thuê xe khác để chở công nhân đi làm và chở ông M đi ký hợp đồng. Việc thuê xe không có hóa đơn, chứng từ nên bà không nộp cho Hội đồng xét xử được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc M trình bày tại phiên tòa: Xe ô tô Innova, 07 chỗ, biển số 51F – 660.45 là tài sản chung của ông M và bà H. Ngày 19/5/2018 khi bà H lấy xe đi về quê thì bị bị cáo L lấy đá chọi bể tấm kính, tuy nhiên ông không chứng kiến sự việc mà chỉ nghe nói lại. Đối với yêu cầu trách nhiệm dân sự ông để bà H tự quyết định, ông không có ý kiến, các khoản yêu cầu bồi thường của bà H ông không có ý kiến gì.

Những người làm chứng ông Võ Minh C, anh Phùng Vĩnh T trình bày tại phiên tòa như diễn biến sự việc đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSCĐ ngày 20/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh LA truy tố bị cáo Phạm Thị Ngọc L về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Thị Ngọc L đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại; bị cáo là người đang trực tiếp nuôi dưỡng bà Võ Thị A bị bệnh tai biến và gia đình thuộc diện hộ cận nghèo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy Đ tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ngọc L tội "Cố ý làm hư hỏng tài".

Áp dụng khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho bị hại Võ Thị Mai H số tiền 10.243.268 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian hai tuần là 90.000.000 đồng do bà H không cung cấp được các hóa đơn chứng từ nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cục đá xanh không rõ hình, kích thước nơi dài nhất là 14cm, nơi hẹp nhất 05cm và 01 mẫu kính xe ô tô biển kiểm soát 51F – 660.45 bị bể kích thước 13cm x 20cm không có giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo L có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo L, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo L.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Việc bị cáo bị truy tố về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản" là không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến gì về tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị; về hình phạt, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người bị hại bà Mai H không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Ngày 19/5/2018, tại ấp 3, thuộc xã A, huyện Y, tỉnh LA, bị cáo Phạm Thị Ngọc L dùng 01 cục đá xanh ném trúng vào kính chắn gió phía sau xe ô tô hiệu Innova loại 07 chỗ ngồi, biển kiểm soát 51F-660.45 của bà Võ Thị M H và ông Phùng Ngọc M làm bể góc trên bên phải của kính và rạn nứt xung quanh viền kính chắn. Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2018 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh LA kết luận tại thời điểm bị xâm hại kính chắn gió phía sau xe ô tô hiệu Innova loại 07 chỗ ngồi, biển kiểm soát 51F-660.45 có giá trị là 11.234.268 đồng.

Tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, T bố bị cáo phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường 1 phần thiệt hại cho người bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc cho bà Võ Thị A bị bệnh tai biến; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[3] *Xét hình phạt đối với bị cáo:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội nhưng có nhiều những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có đủ điều kiện theo khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa và Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo L hưởng án treo.

Xét hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hộ cận nghèo nên miễn phạt tiền theo quy Đ tại khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] *Xét trách nhiệm dân sự:* Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản số tiền11.243.268 đồng đồng là phù hợp với các Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường của người bị hại. Bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường cho bà Võ Thị Mai H, do đó bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 10.234.286 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian hai tuần là 90.000.000 đồng do xe bị hư, bà Võ Thị Mai H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bị cáo L cũng không đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H.

[9] *Về vật chứng của vụ án:* Vật chứng của vụ án gồm 01 cục đá xanh không rõ hình, kích thước nơi dài nhất là 14cm, nơi hẹp nhất 05cm và 01 mẫu kính xe ô tô biển kiểm soát 51F – 660.45 bị bể kích thước 13cm x 20cm không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy. Tất cả vật chứng hiện nay Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh LA đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2018. Đối với số tiền 1.000.000 đồng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đang tạm giữ theo biên lai số 0008860 ngày 20/9/2018, tiếp tục tạm giữ để hoàn trả cho bà Võ Thị Mai H.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Phạm Thị Ngọc L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 512.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

T bố: Bị cáo Phạm Thị Ngọc L phạm tội "**Cố ý làm hư hỏng tài sản** ", xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Ngọc L về Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh LA để theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

" Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy Đ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết Đ buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy Đ tại Điều 56 của Bộ luật này".

Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy Đ tại Khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc L phải bồi thường thiệt hại cho bà Võ Thị M H số tiền 10.234.286 đồng. Bác yêu cầu của bà Võ Thị M H yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng thiệt hại do mất thu nhập.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu Trm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về tang vật, vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 cục đá xanh không rõ hình, kích thước nơi dài nhất là 14cm, nơi hẹp nhất 05cm và 01 mẫu kính xe ô tô biển kiểm soát 51F – 660.45 bị bể kích thước 13cm x 20cm.

Tất cả vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh LA đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 /9/2018.

Tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai số 0008860 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y để hoàn trả cho bà Võ Thị Mai H.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 512.000 án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Phạm Thị Ngọc L, người bị hại bà Võ Thị Mai H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Ngọc M. Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh LA;
- UBND xã A;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Y;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Y;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy Đ tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm T án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác Đ đúng theo quy Đ của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác Đ đúng theo quy Đ của pháp luật

lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thí ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám Đ, người Đ giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết Đ.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy Đ tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)